

Số: 1348/QĐ-SYT

Bắc Ninh, ngày 11 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật đối với Phòng khám chuyên khoa Răng hàm mặt Nha khoa Quang Hiếu thuộc Hộ kinh doanh Nha Khoa Quang Hiếu

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 04/12/2025 của Đoàn thẩm định thành lập theo Quyết định số 1261/QĐ-SYT ngày 30/11/2025 của Giám đốc Sở Y tế Bắc Ninh về việc thành lập Đoàn thẩm định cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa Răng hàm mặt Nha khoa Quang Hiếu thuộc Hộ kinh doanh Nha Khoa Quang Hiếu;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hành nghề, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật và danh sách đăng ký hành nghề đối với Phòng khám chuyên khoa Răng hàm mặt Nha khoa Quang Hiếu thuộc Hộ kinh doanh Nha Khoa Quang Hiếu, cụ thể như sau:

- Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số: 947/BN-GPHĐ do Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 11/12/2025.

- Hình thức tổ chức: Phòng khám chuyên khoa.

- Quy mô, cơ cấu tổ chức: 01 chuyên khoa Răng hàm mặt.

- Mã số đăng ký hộ kinh doanh: 024075007918, Hộ kinh doanh Nha Khoa Quang Hiếu; đăng ký lần đầu ngày 24/02/2017; đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày



08/8/2025 tại Phòng kinh tế, hạ tầng và đô thị, UBND phường Chũ.

- Địa chỉ hoạt động: Số nhà 391, tổ dân phố Minh Khai, phường Chũ, tỉnh Bắc Ninh.

- Thời gian làm việc: Từ 17h30 đến 21h00 thứ Hai đến thứ Sáu; Từ 8h00 đến 21h00 thứ Bảy và Chủ nhật.

- Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở: Bác sĩ Trần Văn Giảng, chứng chỉ hành nghề số 001886/BG-CCHN cấp ngày 31/10/2013, phạm vi hành nghề: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt.

- Mã cơ sở khám bệnh chữa bệnh: 27266.

- Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện 63 danh mục kỹ thuật theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế được Sở Y tế phê duyệt (theo Phụ lục 01 đính kèm).

- Danh sách đăng ký hành nghề: 02 người hành nghề (theo Phụ lục 02 đính kèm).

Điều 2. Phòng khám chuyên khoa Răng hàm mặt Nha khoa Quang Hiếu thuộc Hộ kinh doanh Nha Khoa Quang Hiếu có trách nhiệm tổ chức, triển khai đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật được phê duyệt, thực hiện đúng quy trình kỹ thuật chuyên môn theo quy định Bộ Y tế, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh và các quy định pháp luật khác liên quan trong quá trình hoạt động.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Trưởng các Phòng, Chánh Văn phòng Sở Y tế; Phòng khám chuyên khoa Răng hàm mặt Nha khoa Quang Hiếu thuộc Hộ kinh doanh Nha Khoa Quang Hiếu và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở Y tế (để b/c);
- UBND phường Chũ;
- Công TTĐT Sở Y tế (để đăng tải);
- Lưu: VT, QLHN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Thu Hương

Phụ lục 01
PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN, DANH MỤC KỸ THUẬT
THỰC HIỆN TẠI PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA RĂNG HÀM MẶT
NHA KHOA QUANG HIẾU THUỘC HỘ KINH DOANH
NHA KHOA QUANG HIẾU

(Kèm theo Quyết định số: 1348/QĐ-SYT ngày 11/12/2025 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh)

STT	Danh mục kỹ thuật theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế			
	STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
1.	14352	16.37	16. Răng hàm mặt	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại
2.	14353	16.38	16. Răng hàm mặt	Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite
3.	14354	16.39	16. Răng hàm mặt	Điều trị áp xe quanh răng cấp
4.	14355	16.40	16. Răng hàm mặt	Điều trị áp xe quanh răng mạn
5.	14356	16.41	16. Răng hàm mặt	Điều trị viêm quanh răng
6.	14357	16.42	16. Răng hàm mặt	Trích áp xe lợi
7.	14358	16.43	16. Răng hàm mặt	Lấy cao răng
8.	14534	16.221	16. Răng hàm mặt	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
9.	14536	16.223	16. Răng hàm mặt	Trám bít hố rãnh với Composite hoá trùng hợp
10.	14537	16.224	16. Răng hàm mặt	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp
11.	14541	16.228	16. Răng hàm mặt	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt
12.	14365	16.50	16. Răng hàm mặt	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
13.	14372	16.57	16. Răng hàm mặt	Chụp tuỷ bằng Hydroxit canxi
14.	14373	16.58	16. Răng hàm mặt	Lấy tuỷ buồng răng vĩnh viễn
15.	14374	16.59	16. Răng hàm mặt	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA
16.	14375	16.60	16. Răng hàm mặt	Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhỏ)
17.	14376	16.61	16. Răng hàm mặt	Điều trị tủy lại
18.	14377	16.62	16. Răng hàm mặt	Phẫu thuật nội nha có cắt bỏ chân răng và một phần thân răng
19.	14381	16.67	16. Răng hàm mặt	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite
20.	14382	16.68	16. Răng hàm mặt	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite
21.	14383	16.70	16. Răng hàm mặt	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement
22.	14384	16.71	16. Răng hàm mặt	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement
23.	14385	16.72	16. Răng hàm mặt	Phục hồi cổ răng bằng Composite
24.	14389	16.76	16. Răng hàm mặt	Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay

25.	14390	16.77	16. Răng hàm mặt	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng bằng các vật liệu khác nhau
26.	14391	16.78	16. Răng hàm mặt	Veneer Composite trực tiếp
27.	14395	16.82	16. Răng hàm mặt	Tẩy trắng răng tùy sống bằng máng thuốc
28.	14396	16.83	16. Răng hàm mặt	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt
29.	14397	16.84	16. Răng hàm mặt	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)
30.	14417	16.104	16. Răng hàm mặt	Chụp nhựa
31.	14418	16.105	16. Răng hàm mặt	Chụp kim loại
32.	14419	16.106	16. Răng hàm mặt	Chụp hợp kim thường cần nhựa
33.	14425	16.112	16. Răng hàm mặt	Cầu nhựa
34.	14426	16.113	16. Răng hàm mặt	Cầu hợp kim thường
35.	14427	16.114	16. Răng hàm mặt	Cầu kim loại cần nhựa
36.	14448	16.135	16. Răng hàm mặt	Máng hở mặt nhai
37.	14449	16.136	16. Răng hàm mặt	Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng
38.	14450	16.137	16. Răng hàm mặt	Tháo cầu răng giả
39.	14451	16.138	16. Răng hàm mặt	Tháo chụp răng giả
40.	14452	16.139	16. Răng hàm mặt	Sửa hàm giả gãy
41.	14453	16.140	16. Răng hàm mặt	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp
42.	14454	16.141	16. Răng hàm mặt	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp
43.	14455	16.142	16. Răng hàm mặt	Đệm hàm nhựa thường
44.	14510	16.197	16. Răng hàm mặt	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ
45.	14511	16.198	16. Răng hàm mặt	Phẫu thuật nhổ răng ngầm
46.	14516	16.203	16. Răng hàm mặt	Nhổ răng vĩnh viễn
47.	14517	16.204	16. Răng hàm mặt	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay
48.	14518	16.205	16. Răng hàm mặt	Nhổ chân răng vĩnh viễn
49.	14519	16.206	16. Răng hàm mặt	Nhổ răng thừa
50.	14522	16.209	16. Răng hàm mặt	Phẫu thuật mở xương cho răng mọc
51.	14526	16.213	16. Răng hàm mặt	Cắt lợi xơ cho răng mọc
52.	14527	16.214	16. Răng hàm mặt	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới
53.	14528	16.215	16. Răng hàm mặt	Cắt lợi di động để làm hàm giả
54.	14533	16.220	16. Răng hàm mặt	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng
55.	14543	16.230	16. Răng hàm mặt	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục
56.	14544	16.231	16. Răng hàm mặt	Lấy tủy buồng răng sữa
57.	14545	16.232	16. Răng hàm mặt	Điều trị tủy răng sữa
58.	14546	16.233	16. Răng hàm mặt	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit
59.	14547	16.234	16. Răng hàm mặt	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA
60.	14550	16.238	16. Răng hàm mặt	Nhổ răng sữa
61.	14551	16.239	16. Răng hàm mặt	Nhổ chân răng sữa
62.	14552	16.240	16. Răng hàm mặt	Trích áp xe lợi trẻ em
63.	14553	16.241	16. Răng hàm mặt	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)

Phụ lục 02

**DANH SÁCH NGƯỜI HÀNH NGHỀ TẠI PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA RĂNG HÀM MẶT
NHA KHOA QUANG HIẾU THUỘC HỘ KINH DOANH NHA KHOA QUANG HIẾU**

(Kèm theo Quyết định số: 1348/QĐ-SYT ngày 11/12/2025 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh)

STT (1)	Họ và tên (2)	Văn bằng, chứng chỉ /năm cấp (3)	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp (4)	Phạm vi hành nghề (5)	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở (6)	Vị trí chuyên môn (7)	Chức danh quản lý (8)	Thông tin ĐKHN tại cơ sở khác (9)	Ghi chú (10)
1.	Trần Văn Giảng	Bác sĩ CK RHM (2013)	001886/BG-CCHN cấp ngày 31/10/2013	KBCB chuyên khoa Răng Hàm Mặt	Từ 17h30 đến 21h00 thứ Hai đến thứ Sáu; Từ 8h00 đến 21h00 thứ Bảy và Chủ nhật	Bác sĩ KBCB chuyên khoa RHM	Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật cơ sở; Chủ phòng khám	Từ 7h00-17h00 thứ 2 đến thứ 6 làm việc tại Trung tâm Y tế Lục Ngạn	
2.	Trần Quang Thiết	Trung học chuyên nghiệp (1992)	001944/BG-CCHN cấp ngày 31/10/2013	Quy định tại QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng BNV về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngành y tế điều dưỡng	Từ 17h30 đến 21h00 thứ Hai đến thứ Sáu; Từ 8h00 đến 21h00 thứ Bảy và Chủ nhật	Y sĩ	Không	Từ 7h00-17h00 thứ 2 đến thứ 6 làm việc tại Trung tâm Y tế Lục Ngạn	